

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **116/2017/HSST**

Ngày: 07/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Nữa.
2. Bà Võ Ngọc Thúy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Nguyễn Hạnh Ngân - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 133/2017/HSST ngày 06 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc O (tên thường gọi là P); Giới tính: nữ; Sinh năm: 1971; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 132/44 đường ND, Phường N, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 49D/19A đường HT, Phường N, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: làm công; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Con ông: Trần Văn N và bà: Nguyễn Thị L (chết); Có chồng: là ông Châu Văn C và con: có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền sự: không; Tiền án: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2017 đến ngày 23/4/2017 được thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(có mặt)

Người bị hại:

Bà Nguyễn Thị Thu H; Sinh năm: 1970; Thường trú: 219 đường PVK, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 205/8B15/2 đường THĐ, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Nguyễn Mộng T; Sinh năm: 1994; Thường trú: 132/44 đường ND, Phường N, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 49D/19A đường HT, Phường N, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Ngọc O bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 21/4/2017, bà Nguyễn Thị Thu H đến Công an Phường N, Quận F trình báo việc bị mất 02 chiếc nhẫn vàng 9999 (mỗi chiếc có trọng lượng 05 chỉ) để trong ngăn tủ của bàn trang điểm trên lầu 1 - nhà số 205/8B15/2 đường THĐ, Phường N, Quận F. Vụ việc sau đó được chuyển giao Cơ quan điều tra Công an Quận 6 giải quyết.

Qua điều tra xác định được như sau: Nguyễn Ngọc O, là người giúp việc nhà của gia đình bà Nguyễn Thị Thu H tại nhà số 205/8B15/2 đường THĐ, Phường N, Quận F. Khoảng 09 giờ ngày 09/4/2017, O đến nhà bà H để làm việc. Trong lúc lau sàn nhà tại lầu 1, O vô tình đụng vào bàn trang điểm của bà Hồng làm ngăn tủ bị đẩy ra, O thấy trong ngăn tủ có 01 túi đựng mắt kính nên mở ra xem thì phát hiện bên trong có một số nữ trang bằng kim loại màu vàng, nên lấy 02 chiếc nhẫn vàng 9999 (mỗi chiếc có trọng lượng 05 chỉ) giấu trong người rồi tiếp tục làm việc nhà. Sau khi làm xong công việc, O đem 02 chiếc nhẫn đến tiệm vàng Nguyễn H (số 124 đường NCN, Phường L, Quận H) và tiệm vàng Kim Phát A (số 69A đường TM, Phường B, Quận F) bán lấy 34.100.000 đồng. Sau khi có tiền, O trả nợ cho một người tên H1 (không rõ lai lịch) 22.000.000 đồng, mua lại một số nữ trang hết 8.419.000 đồng để tặng cho con gái tên Nguyễn Mộng T, số còn lại O tiêu xài cá nhân. Và để tránh bị bà H phát hiện, ngày 10/4/2017, O mua 02 chiếc nhẫn giả có kiểu dáng giống 02 chiếc nhẫn mà O chiếm đoạt để lại trong túi đựng mắt kính và cất trong bàn trang điểm rồi làm việc như bình thường. Đến ngày 21/4/2017, bà H phát hiện bị mất 02 chiếc nhẫn và trình báo Công an Phường N, Quận F như nêu trên.

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Mộng T đã giao nộp lại 01 đôi bông tai hình con mèo bằng kim loại màu vàng, có cần đá màu trắng xanh; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có cần đá màu đen, trên đá có hình kim tự tháp bằng kim loại màu vàng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng.

Tại Văn bản số: 644/TCKH ngày 05 tháng 5 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6 thống nhất giá như sau: 02 chiếc nhẫn tron bằng vàng 9999, mỗi chiếc 5 chỉ, có giá là: 34.100.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định hàm lượng vàng đối với 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng (01 chiếc ký hiệu M04, 01 chiếc ký hiệu M05) và 01 đôi bông tai hình con mèo bằng kim loại màu vàng, có cần đá màu trắng xanh (ký hiệu M01); 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có cần đá màu đen, trên đá có hình kim tự tháp bằng kim loại màu vàng (ký hiệu M02); 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng (ký hiệu M03) và tại Kết quả thử nghiệm hàm lượng số: 004 ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Vàng bạc Đá quý Sài Gòn - SJC thì chiếc nhẫn ký hiệu M04 có khối lượng 0,2233 (lượng), hàm lượng vàng 0,00%; chiếc nhẫn ký hiệu M05 có khối lượng 0,1572 (lượng), hàm lượng vàng 0,00%; còn đôi bông tai (ký hiệu M01),

chiếc nhẫn (ký hiệu M02) và sợi dây chuyền (ký hiệu M03) đều có hàm lượng vàng là 61%.

Đối với các ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Đứt Đ, là chủ tiệm vàng Nguyễn H và tiệm vàng Kim Phát A, không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn bà Nguyễn Mộng T là người có hành vi cất giữ số nữ trang mà Nguyễn Ngọc O mua tặng, nhưng bà không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Cáo trạng số 105/CT-VKS ngày 06 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc O về tội « Trộm cắp tài sản » theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Ngọc O khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thu H 02 chiếc nhẫn vàng 9999 (mỗi chiếc có trọng lượng 05 chỉ) tại nhà số 205/8B15/2 đường THĐ, Phường, Quận 6 vào sáng ngày 09/4/2017 như bản cáo trạng nêu;

Người bị hại Nguyễn Thị Thu H khai cũng tương tự và xác nhận sau sự việc xảy ra, con của bị cáo là bà Nguyễn Mộng T đã thỏa thuận bồi thường cho bà trị giá 02 chiếc nhẫn vàng 9999 mà bị cáo chiếm đoạt tổng cộng là 34.100.000 đồng. Nay, bà không có yêu cầu bồi thường gì thêm và đồng ý bãi nại cho bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì hoàn cảnh gia đình bị cáo hết sức khó khăn, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình hiện phải nuôi 02 con nhỏ còn đi học;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Mộng T khai đã thỏa thuận bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu H trị giá 02 chiếc nhẫn vàng 9999 (mỗi chiếc có trọng lượng 05 chỉ) là 34.100.000 đồng và bà không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền này, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho mẹ bà là bị cáo Nguyễn Ngọc O.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc O như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc O từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù về tội « Trộm cắp tài sản » theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Đã thỏa thuận giải quyết xong, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 đôi bông tai hình con mèo bằng kim loại màu vàng, có cần đá màu trắng xanh; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có cần đá màu đen, trên đá có hình kim tự tháp bằng kim loại màu vàng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng.

Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng (hàm lượng vàng qua giám định là 0,00%).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo Nguyễn Ngọc O; của người bị hại Nguyễn Thị Thu H; của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Mộng T tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc O đã lợi dụng sự sơ hở của bà Nguyễn Thị Thu H, lén lút chiếm đoạt của bà H 02 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 9999 (mỗi chiếc có trọng lượng 05 chỉ) trị giá 34.100.000 đồng, là phạm tội « Trộm cắp tài sản », tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc O không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung.

Bị cáo Nguyễn Ngọc O hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do tham lam và nhất là xem thường pháp luật, nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nêu trên.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc O tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, việc bị cáo bị phát hiện là ngoài ý muốn của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo đã tích cực tác động, đề nghị gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và được người bị hại bãi nại, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải; là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương), nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình theo quy định tại các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Và xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, hiện có nghề nghiệp ổn định, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có người bảo lãnh. Quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo đã không gây nguy hại, tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm, nên Hội đồng xét xử thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và tạo điều kiện cho bị cáo được sửa chữa những sai lầm đã phạm phải.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự, thì bị cáo Nguyễn Ngọc O còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét bị cáo không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Việc bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, người bị hại Nguyễn Thị Thu H và con của bị cáo là bà Nguyễn Mộng T xác nhận đã giải quyết xong việc bồi thường, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Việc xử lý vật chứng: 01 đôi bông tai hình con mèo bằng kim loại màu vàng, có cán đá màu trắng xanh; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có cán đá màu đen, trên đá có hình kim tự tháp bằng kim loại màu vàng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, là tài sản do bị cáo dùng tiền phạm tội mua bán, đổi chác mà có, nên Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự. Còn 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, qua giám định là vàng giả (hàm lượng vàng 0,00%), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 135/PNK ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Công an Quận 6 - BL73).

Đối với các ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Đứt Đ, là chủ tiệm vàng Nguyễn H và tiệm vàng Kim Phát A, Viện kiểm sát xác định không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn bà Nguyễn Mộng T là người có hành vi cất giữ số nữ trang mà bị cáo Nguyễn Ngọc O mua tặng, nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Ngọc O phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc O (P)** phạm tội: « Trộm cắp tài sản ».
- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.
- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc O (P)** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc O cho Ủy ban nhân dân Phường N, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) đôi bông tai hình con mèo bằng kim loại màu vàng, có cấn đá màu trắng xanh; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có cấn đá màu đen, trên đá có hình kim tự tháp bằng kim loại màu vàng; 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng (hàm lượng vàng 0,00%).

- Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Ngọc O phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc O; người bị hại Nguyễn Thị Thu H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Mộng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Đã giải thích chế định án treo đối với bị cáo Nguyễn Ngọc O.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên